

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về tờ trình và dự thảo nghị quyết: Chương trình Sữa học đường đối với trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghiên cứu tờ trình và dự thảo nghị quyết Chương trình Sữa học đường đối với trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam do UBND tỉnh trình tại kỳ họp thứ 14, Ban Văn hóa – Xã hội kính báo cáo HĐND tỉnh một số nội dung sau:

1. Sự cần thiết, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ban hành

Hiện nay, có khoảng 80% học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam có chỉ số tăng trưởng thấp hơn độ tuổi, nhất là đối với trẻ thuộc địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện chủ trương của Chính phủ tại Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 về Chương trình Sữa học đường nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, tạo sự chuyển biến về nhận thức cộng đồng trong quá trình chăm sóc trẻ; hướng đến sự phát triển toàn diện về tâm vóc, thể lực và trí tuệ cho trẻ em Việt Nam nói chung và Quảng Nam nói riêng, đồng thời căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của tỉnh hiện nay, việc UBND tỉnh trình kỳ họp thứ 14 xem xét, quyết định Chương trình Sữa học đường cho học sinh bậc mầm non và bậc tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam là hết sức cần thiết, phù hợp thực tế và đúng thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015¹.

2. Về nội dung nghị quyết

Ban cơ bản thống nhất với các nội dung trong nghị quyết về phạm vi điều chỉnh, nguồn kinh phí và thời gian thực hiện. Ngoài ra, Ban có một số ý kiến sau:

a) Về đối tượng thụ hưởng: Việc quy định đối tượng thụ hưởng là trẻ mẫu giáo (từ 3-6 tuổi) và học sinh tiểu học như dự thảo trình là phù hợp với chủ trương của Chính phủ tại Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 về phê duyệt Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học trên toàn quốc và Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 5/12/2019 của Bộ Y tế “quy định yêu cầu đối với sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường”. Do vậy, Ban thống nhất đối tượng này.

¹ Khoản 9, Điều 30, Luật Ngân sách Nhà nước 2015: Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Đối với nhóm trẻ từ 12-36 tháng tuổi: Theo số liệu của đề án, ở 06 huyện miền núi cao của tỉnh hiện có 383/9.548 trẻ em trong độ tuổi này đến lớp (tỷ lệ 4%). Nhà nước ta và các tổ chức quốc tế đang khuyến khích nuôi trẻ nhỏ từ 12-24 tháng tuổi bằng sữa mẹ. Việc sử dụng, hỗ trợ các sản phẩm dinh dưỡng công thức thay thế sữa mẹ cần đảm bảo theo “quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi” (QCVN 11-3:2012/BYT) được ban hành theo Thông tư số 22/2012/TT-BYT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Đồng thời, đối với nhóm trẻ này chưa có quy định định mức thụ hưởng. Bên cạnh đó, việc chọn lựa sản phẩm dinh dưỡng, quy trình bảo quản, chế biến thực phẩm dinh dưỡng phù hợp với từng độ tuổi từ 12-24 tháng tuổi, từ 24-36 tháng tuổi là khác nhau. Do đó sẽ rất khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

Để tăng số lượng trẻ được hỗ trợ phòng, chống suy dưỡng, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia hiện hành, tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện, theo ý kiến của Ban, không đưa trẻ từ 12-36 tháng tuổi vào đối tượng thụ hưởng của nghị quyết và đề nghị UBND tỉnh sớm nghiên cứu xây dựng đề án hỗ trợ phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ở 06 huyện miền núi cao, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Ngoài ra, Ban đề nghị điều chỉnh cụm từ “đối tượng thụ hưởng” thành “đối tượng áp dụng”, vì ngoài đối tượng thụ hưởng như dự thảo nghị quyết trình, còn có đối tượng chịu sự điều chỉnh nghị quyết là UBND các huyện miền núi, Sở Giáo dục - Đào tạo, Phòng Giáo dục - Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và một số cơ quan liên quan khác. Đây cũng chính là chủ thể thực hiện kinh phí quy định tại mục b, khoản 2, Điều 5 dự thảo nghị quyết.

b) Về tiêu đề nghị quyết: Với các đề xuất nêu trên, Ban đề nghị điều chỉnh tiêu đề nghị quyết thành “Chương trình Sữa học đường đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam”.

c) Về định mức thụ hưởng:

Đối với trẻ em mẫu giáo và tiểu học, Ban thống nhất theo đề nghị UBND tỉnh. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung vào dự thảo nghị quyết quy định chất lượng sữa tươi, đảm bảo tiêu chuẩn theo Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 “về quy định yêu cầu đối với các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường”.

d) Về nguồn kinh phí thực hiện: Ban thống nhất ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí mua sữa cho trẻ. Riêng kinh phí hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát tại khoản 2, Điều 5 dự thảo nghị quyết (khoảng 1,5 tỷ đồng) đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ nội dung chi, mức chi, đối tượng sử dụng kinh phí này để đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Ngoài nguồn lực từ ngân sách của tỉnh, đề nghị UBND tỉnh có giải pháp để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước, sự đóng góp của gia đình và cộng đồng tham gia Chương trình sữa học đường.

e) Về thời gian thực hiện: Chính sách này thực hiện từ tháng 01/2020 đến hết tháng 5/2022. Sau khi nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành, Ban đề nghị UBND tỉnh sớm chỉ đạo triển khai thực hiện để các đối tượng được thụ hưởng chính sách bắt đầu từ học kỳ II năm học 2019-2020 theo quy định của nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh về dự thảo nghị quyết. Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu khách mời;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, TH .

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Bích Thu